

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/01/2022
“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trung Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bình
2. Ông Trương Công Chự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Kiều Đức T, sinh năm 1991.

HKTT: Xóm Đ, xã N, huyện Y, tỉnh H.

Trú tại: Làng A, xã B, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Phùng Thị Kim N, sinh năm 1996.

Trú tại: Làng A, xã B, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Kiều Đức T trình bày: Anh và chị N qua tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 17/01/2017. Bước đầu sống chung hạnh phúc. Sau khi kết hôn thì anh về nhà bà Ngoại ở Làng A, xã B sinh sống, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2018 lý do hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, mặc dù anh đã cố gắng hàn gắn, bản thân hai bên gia đình cũng đã khuyên nhiều lần nhưng hai vợ chồng không thể hòa hợp. Vì vậy nên từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa, anh T về xóm Đ,

xã N, huyện Y, tỉnh B sinh sống từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung, không có con chung, hiện tại vợ không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phùng Thị Kim N trình bày như sau: Chị và anh Kiều Đức T qua tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 17/01/2017, Bước đầu sống chung hạnh phúc, mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung vì vậy từ năm 2019 chị và anh Kiều Đức T sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa, Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị cũng đồng ý, về con chung không có con chung, về tài sản chung và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện chị đi làm xa và tình hình dịch bệnh phức tạp nên chị xin vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Sổ hộ khẩu gia đình bản sao; giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn bản sao; Trích lục kết hôn bản sao; Chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tự khai của nguyên đơn, biên bản trình bày ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Kiều Đức T yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với chị Phùng Thị Kim N, Đơn khởi kiện của anh Kiều Đức T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Phùng Thị Kim N hiện cư trú tại làng Làng A, xã B, huyện C P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Kiều Đức T và chị Phùng Thị Kim N đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy toà án nhân dân huyện Chư Prông xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Anh Kiều Đức T và chị Phùng Thị Kim N có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 17/01/2017, anh Kiều Đức T và chị Phùng Thị Kim N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Tuyên và chị N chung sống hạnh phúc một thời gian cho đến năm 2019 thì anh T và chị N thường xuyên phát sinh Nền mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mặc dù hai bên gia đình đã can thiệp nhưng hai bên vẫn không thể sống chung được với nhau và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung: Không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Kiều Đức T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006211 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Prông – tỉnh Gia Lai. Anh Kiều Đức T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Đức T.

1. Về quan hệ hôn nhân Xử: Anh Kiều Đức T được ly hôn với chị Phùng Thị Kim N.

2. Về con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Kiều Đức T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006211 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Prông – tỉnh Gia Lai. Anh Kiều Đức T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Bang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Ngô Trung Thực

huyện Chư Prông – tỉnh Gia Lai. Anh Kiều Đức T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bình Trương Công Chự

Ngô Trung Thực